

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/DS-PT
Ngày: 24-3-2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tặng cho tài sản – bồi thường
thiệt hại do danh dự, nhân
phẩm, uy tín bị xâm phạm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Hải

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tấn Tài; bà Lâm Ngọc Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản – bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 114/2020/DS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố L X, tỉnh A G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2021/QĐPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H Th Th Th, sinh năm 1970, địa chỉ: số 11L5, đường số 6, khu dân cư T Kh 3, ph M H, TP. L X, A G.

Người đại diện theo ủy quyền thứ nhất cho bà Th: Bà Ng Th T, sinh năm 1995. Địa chỉ: số 592, tổ 11, ấp Tân Hậu A, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/07/2019).

Người đại diện theo ủy quyền thứ hai cho bà Th: Ông Ph H Nh, sinh năm 1987. Địa chỉ liên hệ: số 60/5B đường Bùi Văn Danh, khóm Đông An 1, phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Địa chỉ hộ khẩu thường trú: số 20/10A khóm Đông Thạnh A, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. (Theo giấy ủy quyền ngày 18/05/2020)

Người đại diện theo ủy quyền thứ ba cho bà Th: Ông H Th Th, sinh năm 1955. Địa chỉ: Lô 1D4 Trịnh Văn Ấn, phường Đông Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. (Ủy quyền tại phiên tòa)

- Bị đơn: Ông L Th Nh, sinh năm 1964; bà H Th Nh Ng, sinh năm 1969, cùng địa chỉ: số 6A đường Nguyễn Hãn, khóm 6, phường M L, TP. L X, A G.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Nh, bà Ng: Bà Ng M L, sinh năm 1964. Địa chỉ: 60/10B đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 91), khóm Đông Thạnh B, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. (Theo giấy ủy quyền ngày 28/06/2019)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh V Kh B, sinh năm 1992

Địa chỉ: số 11L5, đường số 6, khu dân cư T Kh 3, ph M H, thành phố L X, tỉnh A G.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông B: Ông Ph H Nh, sinh năm 1987. Địa chỉ liên hệ: số 60/5B đường Bùi Văn Danh, khóm Đông An 1, phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Địa chỉ hộ khẩu thường trú: số 20/10A khóm Đông Thạnh A, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. (Theo giấy ủy quyền ngày 14/03/2020)

2. Chị L C V, sinh năm 1990

Địa chỉ: số 6A1 đường Nguyễn Hãn, khóm 6, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà V: Bà Ng M L, sinh năm 1964. Địa chỉ: 60/10B đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 91), khóm Đông Thạnh B, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. (Theo giấy ủy quyền ngày 27/08/2019)

(Tại phiên tòa có mặt bà Th, ông Nh, ông Th và bà L)

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà H Th Th Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông V Kh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm

Nguyên đơn bà H Th Th Th do ông Ph H Nh đại diện theo ủy quyền trình bày: Thông qua người quen mai mối, giới thiệu nên ngày 23/05/2018 bà H Th Th Th và gia đình ông L Th Nh, bà H Th Nh Ng tổ chức lễ đính hôn cho con của bà Th là anh V Kh B và con của ông Nh, bà Ng là chị L C V. Trong lễ đính hôn gia đình ông Nh yêu cầu bà Th chuẩn bị 7 mâm đồ lễ vật có giá trị 10.000.000đ, 01 bộ vàng trắng đính kim cương, 01 bộ vàng 24kara có giá trị

150.000.000đ, tiền phụ lễ đính hôn, tiền cho cô dâu mua sắm một số vật dụng khi về nhà trai 50.000.000đ, tổng giá trị 210.000.000đ.

Sau thời gian một tháng, kể từ ngày đính hôn, chờ ngày tổ chức lễ cưới thì chị L C V báo cho anh V Kh B biết là chị V yêu cầu hoãn đám cưới, có ý từ hôn và phía gia đình bà Ng đã có hành vi đi rêu rao nói xấu, bộ nhọ danh dự, nhân phẩm anh V Kh B, nói anh V Kh B bị bê đê nên không gả, không xác định được giới tính của mình và mẹ của anh B là bà Th có quan hệ tình cảm với người khác là ông Ng Th Th, không xứng đáng làm sui gia và yêu cầu trả lại số tiền cho gia đình bà Th (bút lục số 02). Hai ngày sau, kể từ ngày chị V yêu cầu hoãn đám cưới, gia đình bà Th và ông Nh, bà Ng có trao đổi và thống nhất gia đình ông Nh đơn phương từ hôn và đồng ý trả tiền nữ trang cho gia đình bà Th. Trong quá trình thỏa thuận giữa hai bên, gia đình ông Nh có đồng ý trả cho bà Th số tiền không rõ là bao nhiêu nhưng đến nay không thực hiện.

Việc từ hôn là do gia đình ông Nh bà Ng đơn phương nên bà Th yêu cầu: Ông L Th Nh và bà H Th Nh Ng phải trả cho bà H Th Th Th tổng các khoản chi phí cho đính hôn 117.500.000đ. Trong đó, số tiền bán nữ trang bị lỗ 25% là 37.500.000đ; bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm theo hình thức công khai xin lỗi gia đình bà H Th Th Th. Bà Th không yêu cầu khoản tiền bù đắp thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm.

Bị đơn ông L Th Nh và bà H Th Nh Ng do bà Ng M Lệ đại diện theo ủy quyền trình bày: Hôn nhân của con gái ông Nh, bà Ng là do mai mối, chưa có thời gian tìm hiểu để tiến đến hôn nhân. Sau khi tổ chức lễ đính hôn và chụp ảnh cưới thì chị V nhận thấy nhiều điểm không phù hợp với anh V Kh B nên báo cho B là yêu cầu hoãn việc cưới hỏi và không tiến đến hôn nhân. Sự việc này là do chị V tự ý không thông báo cho ông Nh, bà Ng biết. Thời gian sau gia đình ông Nh biết anh B đã kết hôn với người khác đã khẳng định giữa B và V chưa thật sự có tình cảm với nhau.

Nay, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nh bà Ng xác định tài sản bà Th tặng cho cô dâu L C V trong lễ đính hôn gồm:

Về lễ vật: Nhà trai (bà Th) đem qua nhà gái cúng tổ tiên theo phong tục gồm: Bánh, trà, rượu, trái cây,... là do nhà trai tự nguyện mang sang ăn hỏi. Gia đình ông Nh đã cúng tổ tiên và chia đôi để hoàn lại cho nhà gái ½ lễ vật theo phong tục, đã hoàn trả cho nhà trai tại thời điểm tổ chức lễ hỏi, về số lễ vật còn lại gia đình ông Nh đã mời họ hàng cùng chung vui nên không đồng ý trả lại.

Riêng số tiền 50.000.000đ, bà Th đưa tiền là sự thật nhưng để phụ tiếp đãi tiệc Đính hôn, đãi tiệc tại Nhà hàng Đông Xuyên, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, họ hàng nhà trai tham dự 6 bàn khoảng 60 người, đây là sự tự nguyện của của bà Th và nhà gái đã sử dụng số tiền này của bà Th để phụ tiếp trả tiền một phần trong số tiền đãi tiệc. Do vậy, bà Th không đòi hỏi

gia đình ông Nh phải trả lại nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không phù hợp phong tục tập quán về lễ cưới.

Đối với chi phí về chụp ảnh cưới, gia đình ông Nh không đồng ý vì việc này do các con yêu cầu và tự ý sắp xếp, hai bên gia đình cùng đi chung, ăn uống, nghỉ khách sạn, chi phí do anh B tự lo liệu, gia đình ông Nh không có lỗi nên không đồng ý bồi thường.

Đối với khoản tiền bán nữ trang bị lỗi, khi bà Th tặng cho cháu V thì bà Th trực tiếp giao cho chị V, không ai kiểm tra chất lượng và khi từ hôn thì chị V đã giao lại cho bà Th đầy đủ, việc bà Th tự ý bán lại nữ trang là việc của bà Th, lời hay lỗi thì bà Th phải tự chịu trách nhiệm, không phải lỗi của gia đình ông Nh, bà Ng.

Đối với dây chuyền tặng cho cháu B là tài sản dùng làm kỷ niệm, gia đình ông Nh không đòi lại và bà Th cũng đã đồng ý xem như bù qua trả tiền cho nhà hàng, phụ tiếp tiệc đính hôn. Việc nay hai bên đã giải quyết ổn thỏa, không ai trách cứ gì nhau và cũng không liên lạc với nhau.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm: Theo yêu cầu này của bà Th, gia đình ông Nh bà Ng không đồng ý. Lý do, gia đình ông Nh không gặp bà Th, ông Th, cháu B nói xấu gia đình bà Th.

Tại Bản án sơ thẩm số 114/2020/DS-ST ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L X, tỉnh A G tuyên xử:

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H Th Th Th đối với ông L Th Nh và bà H Th Nh Ng về yêu cầu ông Nh, bà Ng có trách nhiệm trả số tiền 68.470.000đ (sáu mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn đồng) cho bà H Th Th Th.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H Th Th Th đối với ông L Th Nh và bà H Th Nh Ng về yêu cầu ông Nh, bà Ng bồi thường thiệt hại do do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm (không yêu cầu bồi thường tiền) theo hình thức công khai xin lỗi gia đình bà H Th Th Th.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H Th Th Th đối với ông L Th Nh và bà H Th Nh Ng về yêu cầu ông Nh, bà Ng có trách nhiệm bồi thường 49.030.000đ (bốn mươi chín triệu, không trăm ba mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/11/2020 nguyên đơn bà H Th Th Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông V Kh B do ông Ph H Nh đại diện theo ủy quyền có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà Th và ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- **Ông Nh trình bày:** Đối với số tiền 68.470.000 đồng, trong đó 50.000.000 đồng là tiền đồng nhà trai hỗ trợ cho nhà gái và 18.470.000 đồng là các khoản chi phí được thể hiện bằng hóa đơn. Đối với số tiền 50.000.000 đồng đòi lại là có cơ sở, đây là tiền đồng thì không thể nói là tiền hỗ trợ cho lễ đính hôn, mà là tiền đồng cho đám cưới có thể nói đây là tiền đền ơn cho cha mẹ cô dâu, với điều kiện cô dâu sẽ về nhà chồng có nghĩa là phải có đám cưới diễn ra. Đối với số tiền 18.470.000 đồng là các khoản chi phí phát sinh cho một đám cưới, nhưng do bên nhà gái tự ý hủy hôn hay còn gọi là bẻ kèo thì phải bồi thường cho nhà trai theo yêu cầu. Nhà gái từ hôn là bên hoàn toàn có lỗi, nên yêu cầu HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- **Ông Th trình bày:** Thống nhất nội dung trình bày của ông Nh. Kính mong HĐXX phúc thẩm xem xét vụ án một cách hợp tình hợp lý và phù hợp với quy định pháp luật, không thiên vị bên nào để từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- **Bà L trình bày:** Trong vụ tranh chấp này thực tế có hai phần, một là tiền hai là tình cảm. Việc hủy hôn là cảm nhận tình cảm giữa các con với nhau, nếu cháu Vân cho rằng tình yêu dành cho cháu B chưa đủ lớn để tiến đến hôn nhân thì cháu B nên cảm thông cho cháu V và nếu thật sự yêu thương nhau thì cháu B cần cho cháu V một thời gian, nhưng cháu B không làm được điều này mà ngay sau đó cháu B cũng đã kết hôn với một người khác và hiện nay cháu B cũng đã ly hôn, đây là vấn đề cá nhân của gia đình cháu B nên chúng tôi không muốn nêu ra tại đây, còn nội tình như thế nào thì gia đình cháu B là người biết rõ nhất. Đối với yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ, chúng tôi không chấp nhận, đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Th và cháu B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của bà H Th Th Th và ông V Kh B là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Thúy và ông Bình, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 114/2020/DS-ST ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H Th Th Th và ông V Kh B kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Thúy, ông Bình:

[2.1] Đối với yêu cầu buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm cho nguyên đơn, có thể thực hiện bằng hình thức công khai xin lỗi là viết thư, thấy: Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về Những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình: “1. *Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng*”. Hôn nhân là mối quan hệ đặc biệt trong quan hệ gia đình. Vì vậy, pháp luật đã có những quy định rõ ràng để điều chỉnh các hành vi, ứng xử trong vấn đề hôn nhân. Tạo điều kiện để nam, nữ xác lập hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc và thực hiện đầy đủ chức năng của mình nhằm xóa bỏ tập tục lạc hậu về hôn nhân và gia đình. Do đó, việc bà V không có ý muốn tiến đến hôn nhân với ông B là phù hợp với ý chí của bà V. Không vì lý do hủy hôn của một bên mà nó lại ảnh hưởng đến danh dự nhân phẩm của bên kia. Ngoài ra, nguyên đơn cho rằng bị đơn đã tung tin nói xấu đối với gia đình đàn trai, thì ngoài lời trình bày các ông bà lại không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho nội dung này trong giai đoạn giải quyết vụ án. Vì thế mà đối với yêu cầu phải xin lỗi là hoàn toàn không có cơ sở. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đối với yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền 68.470.000đ, trong đó 50.000.000 đồng là tiền đồng nhà trai hỗ trợ cho nhà gái và 18.470.000đ là các khoản chi phí được thể hiện bằng hóa đơn, thấy rằng:

[2.2.1] Về yêu cầu số tiền **50.000.000** đồng, đây là số tiền nhà trai tự nguyện hỗ trợ cho nhà gái tổ chức lễ đính hôn cho hai con và ngày lễ đính hôn cũng đã được diễn ra và tổ chức với tổng chi phí 93.189.000 đồng. Cho thấy thực tế số tiền này đã không còn, vì vậy đối với yêu cầu này Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có cơ sở.

[2.2.2] Về các khoản chi phí với số tiền **18.470.000** đồng có hóa đơn, đây là các khoản chi phí cho việc tổ chức lễ hỏi, đám cưới, cụ thể gồm: Các mâm lễ **3.470.000đ**; chụp ảnh cưới **8.500.000đ**; thuê xe chụp ảnh cưới **3.600.000đ**; thuê xe dự lễ đính hôn **2.900.000đ**. Đây là các khoản chi phí mà nhà trai đã bỏ ra, nhưng theo tập quán địa phương được mọi người công nhận trong việc tổ chức lễ cưới, đính hôn là trước khi tổ chức đám cưới phải thực hiện lễ đính hôn (lễ hỏi, đám nói). Vì vậy, đàn trai đi sinh lễ là mâm quả qua nhà đàn gái là lẽ đương nhiên, các bên cùng thống nhất tiền mâm quả, tiền đồng, lễ vật bà Th đem qua nhà gái được dùng trong ngày tổ chức lễ đính hôn và chi phí chụp ảnh cưới, chi

phí thuê xe đã tiến hành xong và đã xác định bà V ông B không tiến đến hôn nhân được và việc hủy hôn của bà V không vi phạm điều cấm mà pháp luật quy định. Ngoài ra các chi phí này gia đình ông Nh, bà Ng không sử dụng cá nhân nên yêu cầu của nguyên đơn là không phù hợp. Do đó, Tòa án sơ thẩm không chấp nhận đối với yêu cầu này là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nh đại diện theo ủy quyền của bà Th, ông B kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là phù hợp với quy định của pháp luật để HĐXX phúc thẩm xem xét. Nên cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí: Bà H Th Th Th và ông V Kh B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 313; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà H Th Th Th và ông V Kh B;

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 114/2020/DS-ST ngày 27/10/2020 của Toà án nhân dân thành phố L X, tỉnh A G:

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H Th Th Th đối với ông L Th Nh và bà H Th Nh Ng về yêu cầu ông Nh, bà Ng có trách nhiệm trả số tiền 68.470.000đ (sáu mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn đồng) cho bà H Th Th Th.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H Th Th Th đối với ông L Th Nh và bà H Th Nh Ng về yêu cầu ông Nh, bà Ng bồi thường thiệt hại do do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm (không yêu cầu bồi thường tiền) theo hình thức công khai xin lỗi gia đình bà H Th Th Th.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H Th Th Th đối với ông L Th Nh và bà H Th Nh Ng về yêu cầu ông Nh, bà Ng có trách nhiệm bồi thường 49.030.000đ (bốn mươi chín triệu, không trăm ba mươi ngàn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H Th Th Th phải nộp số tiền 3.423.500đ, trừ vào 2.937.500đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003009, ngày 26/04/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L X, tỉnh A G. Bà Th còn phải nộp thêm số tiền 486.000đ (bốn trăm, tám mươi sáu ngàn đồng) tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà H Th Th Th và ông V Kh B mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên

lai thu số 0007886 ngày 09/12/2020 và 0007415 ngày 28/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (đã nộp xong).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND TP. Long Xuyên (1)
- THA TP. Long Xuyên (1)
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1)
- Đương sự “Đề thi hành” ;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Hải

